

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

**PHÂN BIỆT ĐỘNG TỪ NÓI NĂNG
VÀ ĐỘNG TỪ CHỈ CÁCH THỨC NÓI NĂNG
TRONG TIẾNG VIỆT
MAI THỊ HẢO YẾN***

TÓM TẮT: Cùng với động từ nói năng, các động từ biểu thị cách thức, thái độ trong nói năng - tức các động từ thường được gọi là động từ chỉ cách thức nói năng cũng rất phong phú trong tiếng Việt. Các động từ biểu thị cho việc nói năng này được xếp vào loại động từ nói năng nói chung. Tuy nhiên, việc xếp chung vào một loại sẽ hạn chế sự nhìn nhận những khác biệt rất cơ bản của hai loại động từ này, đồng thời cũng không thấy được đặc trưng và vai trò rất riêng của mỗi loại khi chúng tham gia hành chức, tức thực hiện chức năng giao tiếp. Trên nền tảng lí thuyết dụng học, bài viết đã phân tích rõ những tương đồng và khác biệt của động từ nói năng và động từ chỉ cách thức nói năng. Ngoài kết quả về mặt ngôn ngữ học, nghiên cứu cũng góp phần khẳng định: hệ thống các động từ nói năng và động từ chỉ cách thức nói năng trong tiếng Việt phần nào “nói lên” văn hóa *nói* của người Việt - một văn hóa *nói* thực sự vô cùng phong phú và giàu sắc thái cảm xúc.

TỪ KHÓA: động từ nói năng; động từ chỉ cách thức nói năng; hành động ngôn ngữ; lời dẫn; ngữ dụng học.

NHẬN BÀI: 06/08/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 14/10/2024

1. Đặt vấn đề

Trong tiếng Việt, việc nói năng là một việc mà ngoài sự “lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”, thì có muôn kiểu (cách) nói. Có thể nói không ngoa rằng: khó mà có dân tộc nào “nhiều lời” như dân tộc Việt. Minh chứng rõ ràng nhất cho điều này chính là tiếng Việt có một hệ thống các động từ nói năng vô cùng phong phú. Chỉ với các truyện ngắn của Nam Cao thôi, chúng tôi đã khảo sát được - có tới hơn 200 động từ nói năng. Cùng với động từ nói năng, các động từ biểu thị cách thức, thái độ trong nói năng - tức các động từ thường được gọi là động từ chỉ cách thức nói năng cũng phong phú không kém (hơn 100 động từ chỉ cách thức nói năng). Các động từ biểu thị cho việc nói năng này được Đỗ Hữu Châu (2005) xếp vào loại động từ nói năng nói chung. Tuy nhiên, việc xếp chung vào một loại sẽ hạn chế sự nhìn nhận những khác biệt rất cơ bản của hai loại động từ này, đồng thời cũng không thấy được đặc trưng và vai trò rất riêng của mỗi loại khi chúng tham gia hành chức, tức thực hiện chức năng giao tiếp. Vì vậy, bài viết sẽ hướng đến việc làm rõ điểm chung của hai loại động từ này và những khác biệt cơ bản giữa chúng. Theo đó, cũng sẽ đem đến những kiến giải nhất định về văn hóa *nói* của người Việt.

2. Nội dung

2.1. Về động từ nói năng và động từ chỉ cách thức nói năng

Động từ nói năng trong tiếng Việt, về cơ bản được các nhà nghiên cứu xếp vào nhóm từ loại động từ. Nghiên cứu về động từ nói năng đã thu được những thành tựu đáng kể và nhìn chung có thể tạm chia thành các khuynh hướng cơ bản. Thứ nhất, căn cứ vào mặt hình thức ngữ pháp, mà chủ yếu là dựa vào khả năng kết hợp của từ để phân xuất động từ nói năng vào các tiểu loại động từ khác. Tiêu biểu cho khuynh hướng này là các tác giả Nguyễn Kim Thản (1997), Bùi Minh Toán (1981), Nguyễn Hữu Quỳnh (2007), Hoàng Văn Thung (2006), Diệp Quang Ban (2005, 2006), Đái Xuân Ninh (1978), Nguyễn Anh Quế (1996). Khuynh hướng thứ hai là nghiên cứu động từ nói năng thành một biểu loại riêng. Tiêu biểu cho khuynh hướng này là tác giả Đỗ Hữu Châu (2005).

*PGS.TS; Trường Đại học Tân Tạo; Email: haoyendhhd@gmail.com

Trong từ loại học tiếng Việt, “*động từ nói năng không được tách thành một phạm trù độc lập với các động từ “phi nói năng”, tức tách khỏi các động từ biểu thị các hoạt động, các vận động, các quá trình vật lí, sinh lí và tâm lí*” (Đỗ Hữu Châu, 2005, tr.452). Điều này đã dẫn đến việc chỉ “khoác” lên các động từ nói năng phạm trù nghĩa hoạt động. Trong khi, hoạt động nói năng không chỉ “đơn thuần” là hoạt động nói. Có rất nhiều yếu tố liên quan đến việc nói năng, mà nếu chỉ căn cứ tiêu chí hình thức và thậm chí cả nghĩa cũng không thể “bao quát” hết được. Nếu nói đơn giản chỉ là một hoạt động, thì cô hoa hậu Ý Nhi (Miss Word Vietnam 2023) đã không bị dư luận xã hội “bủa vây” đến thế (chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này một cách chi tiết hơn ở một bài viết khác)... Việc nói năng nói chung và động từ nói năng nói riêng, “phải tính đến” nhiều yếu tố khác nữa - tức các yếu tố hợp thành nên hiệu lực ở lời của một hành động ở lời nào đó mà động từ nói năng tham gia. Đỗ Hữu Châu cũng cho rằng, “*động từ nói năng có những đặc tính khác hẳn với các động từ phi nói năng, cần được nghiên cứu riêng, sử dụng những tiêu chí phân loại riêng...*” (Đỗ Hữu Châu, 2005, tr.452-153). Chính vì vậy, Đỗ Hữu Châu gọi các động từ nói năng là các động từ chỉ hành vi ngôn ngữ (speech act verb). Và quan niệm, *động từ nói năng là cách gọi tắt các động từ chỉ các hành vi ở lời - tức các hành động ở lời* (Đỗ Hữu Châu, 2005, tr.453). Chính quan niệm này đã mở ra hướng nghiên cứu cụ thể và có lẽ bao quát hơn về động từ nói năng nói chung. Theo đó, việc xem xét các động từ nói năng và động từ chỉ cách thức nói năng trong tiếng Việt nên xuất phát từ quan điểm dụng học. Bởi chúng không chỉ là động từ biểu thị việc nói năng, mà là các động từ chỉ các hành động ở lời.

Căn cứ vào hiệu lực (đích) ở lời, cách thức tạo lời (cách thức nói năng) và hiệu quả mượn lời trực tiếp, Đỗ Hữu Châu phân loại các động từ nói năng trong tiếng Việt thành các tiểu loại gồm: (1) động từ nói năng thuần khiết (duy nhất chỉ có hiệu lực ở lời); (2) động từ chỉ cách thức nói năng; (3) động từ vừa chỉ cách thức nói năng vừa chỉ hiệu quả mượn lời vừa chỉ hiệu quả ở lời (Đỗ Hữu Châu, 2005, tr.453). *Động từ nói năng (ĐTNN) thuần khiết là những động từ gọi tên, biểu thị một hành động nói năng nào đó*, chẳng hạn: *hỏi, trả lời, gọi, chào, xin lỗi, khát, hứa...* Còn động từ chỉ cách thức nói năng (ĐTCCTNN) *là những động từ vừa chỉ sự nói năng, vừa chỉ cách thức nói năng*, như: *làu bàu, lè nhè, lải nhải...* Sau đây, chúng tôi sẽ xem xét cụ thể những điểm tương đồng và khác biệt của hai loại động từ nói năng này trong nhóm ĐTNN.

2.2. Những điểm tương đồng của động từ nói năng và động từ chỉ cách thức nói năng

Thứ nhất, đều là động từ biểu thị, gọi tên sự nói năng

Về mặt từ loại, để xác định một từ nào đó là danh từ, động từ hay tính từ... ngữ pháp học nói chung cho rằng, có thể dựa vào ba căn cứ: *thứ nhất*, ý nghĩa khái quát (phạm trù chung); *thứ hai*, dựa vào khả năng kết hợp (một tiêu chuẩn thuộc mặt biểu hiện hình thức) và *thứ ba*, dựa vào khả năng giữ một hay một số chức vụ cú pháp chủ yếu (khả năng làm thành phần câu: chủ ngữ, vị ngữ hay bổ ngữ...). Như vậy, các từ như: *nói, hỏi, khuyên, chào, hứa, thề, cãi, trêu, giễu, gắt, chửi, quát, mắng, gọi, reo, bàn, chối...* hay *vờ vịt, phỉnh phờ, xía xói, nhỏ nhẹ, đay nghiến, lải nhải, thì thào, nhỏ nhẹ...* đều có ý nghĩa khái quát chỉ hoạt động nói năng. Vậy nên, có thể nói chúng là những động từ nói năng. Đây là điểm tương đồng về mặt ý nghĩa khái quát của các ĐTNN *nói, hỏi, khuyên, chào, hứa, thề, cãi, trêu, giễu, gắt, chửi, quát, mắng, gọi, reo, bàn, chối...* và các ĐTCCTNN: *vờ vịt, phỉnh phờ, xía xói, nhỏ nhẹ, đay nghiến, lải nhải, thì thào, nhỏ nhẹ...* trong nhóm chung các ĐTNN tiếng Việt.

Thứ hai, động từ nói năng và động từ chỉ cách thức nói năng đều có thể tham gia vào cấu trúc lời dẫn (thoại dẫn)

Thoại dẫn là lời thoại vốn có trong hội thoại thực sự của đời sống, được đưa vào diễn ngôn nói (lời nói) của người nói (hoặc viết) (Mai Thị Hào Yến, 2016). Hội thoại trong tác phẩm văn học được xem là thoại dẫn. Hiện nay, các nhà ngôn ngữ học phân biệt hai hình thức dẫn thoại cơ bản: Trực tiếp và gián tiếp (tức thoại dẫn trực tiếp direct speech và thoại dẫn gián tiếp - indirect speech). Một thoại

dẫn dù trực tiếp hay gián tiếp thường gồm hai thành phần: *thứ nhất* là lời dẫn của người dẫn (người kể, nói, viết), *thứ hai* là lời được dẫn (lời của nhân vật). Ví dụ:

(1): *Y vừa nhảy cẫng lên như một con gà chọi, vừa vỗ tay đen đét mà xỉa xối vào mặt tôi:*

- *Đi chết đâu mà đi mãi thế? Sao không chết dầm chết đuối ở đâu đi cho rồi? Còn về đây làm gì? Còn vác mặt về đây làm gì?...* (Nam Cao, 2013)

“Y vừa nhảy cẫng lên như một con gà chọi, vừa vỗ tay đen đét mà *xỉa xối* vào mặt tôi” là lời dẫn (của tác giả), còn “Đi chết đâu mà đi mãi thế? Sao không chết dầm chết đuối ở đâu đi cho rồi? Còn về đây làm gì? Còn vác mặt về đây làm gì?...” là được dẫn (lời của nhân vật).

ĐTN và ĐTCCTNN đều có thể tham gia vào cấu trúc lời dẫn. Trong trường hợp trên, thì ĐTCCTNN *xỉa xối* là một thành phần trong lời dẫn “Y vừa nhảy cẫng lên như một con gà chọi, vừa vỗ tay đen đét mà *xỉa xối* vào mặt tôi”.

Các ĐTN có thể tham gia vào lời dẫn. Ví dụ:

(2) ... (Bà ức lắm. Bà hầm hầm chạy một mạch đến nhà ông khóa Mẫn). *Vừa đến ngõ bà đã xốc váy lên đến đầu gối giậm chân bèn bẹt, và gào thật to:*

- *Ồ ông khóa ơi là ông khóa ơi! Vợ chồng nhà tôi làm gì ông mà ông làm khổ vợ chồng nhà tôi thế này?... Ông giết vợ chồng nhà tôi thế này!...* (Nam Cao, 2013).

Hoặc (3): Anh Bường cáu: “*Thằng khi ẹ, những nhay cảm vô lối sẽ làm tan nát cuộc đời mày mất thôi. Làm gì có chuyện hoẵng đi tìm mẹ? Con ời, đó là một con hoẵng cái trụy lạc, nó đi tìm hoẵng đực... Tất cả những tiếng kêu trong đêm đều là tiếng kêu bệnh hoạn của dục vọng suy đồi. Tình mẫu tử không bao giờ gào toáng như thế. Tình mẫu tử là thứ nước mắt chảy ngược vào trong lòng, nó bào tan nát ruột gan ra, hoặc nó biến thành máu để bắt cơ thể làm việc, buộc phải đẻ ra một sản phẩm vật chất cụ thể, thiết thực, không hề phù phiếm*”. (Nguyễn Huy Thiệp, 2007).

Ở (2, 3) này, thì ĐTN *gào* và *cáu* là các thành phần trong các lời dẫn “Vừa đến ngõ bà đã xốc váy lên đến đầu gối giậm chân ... *gào* thật to” và “Anh Bường *cáu*”.

Các ĐTCCTNN có thể tham gia vào lời dẫn. Ví dụ:

(4): (Chiếc xe máy quay ngang trong lòng đồ, chạm vào thiếu phụ. Thiếu phụ cau mặt). *Tên cao gầy nhanh nhẩu:*

- *Xin lỗi chị!* (Nguyễn Huy Thiệp, 2007)

(5): (Ông Hân cuống quýt lấy nước nóng, lấy muối để rửa vết thương rồi băng bó lại). *Vị khách thều thào:*

- *Tôi đi suốt ngày suốt đêm đã mấy hôm rồi, không có một hột cơm nào vào bụng. Tôi ở tận trên Móng Cái...* (Nguyễn Huy Thiệp, 2007)

(6): (...Nhưng ông thâm lắm. Ông không làm om sòm ngậy xỉ lên như kẻ địch). Ông chỉ cười nhạt và thùng thà thùng thảng:

- *Nào ai biết được rằng: các ông ấy kiếm ăn cả ở chỗ vợ người ta để. Ai rồi hơi mà bới móc? Đứa nào nó chửi ông ấy, ông ấy không làm gì được nó, ông ấy cứ người ta ông ấy hức! Hức đâu chứ hức đây chỉ tổ bêu đầu mà thôi!* (Nam Cao, 2013).

(7) Thị đứng lên, vừa nguýt hẳn, vừa lau bậu:

- *Đong mấy hào?* (Nam Cao, 2013)

Lau bậu là cách nói ra về khó chịu, nhưng không quá, tức không đến mức gắt gỏng và âm lượng của giọng nói cũng ở mức vừa phải, không to, đủ khiến người nghe hiểu được người nói đang khó chịu, nhưng vẫn “hợp tác”, tức vẫn làm. Ngữ cảnh đề “thị” “đứng lên, vừa nguýt hẳn, vừa “lau bậu” được Nam Cao nói rất rõ như sau:

“*À ra thế... Thị hơi nguôi lòng một chút. Thật ra thì thị biết không nguôi, không được. Nó cục như chó vậy. Ương với nó, nó thượng cẳng chân, hạ cẳng tay là thường. Thiệt thân, mà kết cục vẫn phải đủ gạo cho nó thổi. Thị đứng lên, vừa nguýt hẳn, vừa lau bậu.*”

- *Đong mấy hào?"* (Nam Cao, 2013)

Các ĐTCCTNN *nhanh nhẩu, thều thào, thùng tha thùng thảng, lạo bạo* đều có thể tham gia vào lời dẫn để dẫn lời thoại của các nhân vật. Và không chỉ dẫn việc nói năng, các ĐTCCTNN này còn dẫn cả cách thức và thái độ của nhân vật khi nói năng nữa. Trong (4), *nhanh nhẩu* là cách thức nói của *tên cao gầy*; trong (5) là cách nói *thì thào* của *vị khách* và trong (6) là cách nói *thùng tha thùng thảng* của *ông* (khóa Mẫn), còn ở (7) là cách nói *lạo bạo* của *thị*.

Rõ ràng khi lời dẫn có sự tham gia của các ĐTCCTNN thì người viết không cần nhiều đến những miêu tả khác nữa. Bởi các ĐTCCTNN đã miêu tả gần như trọn vẹn thái độ và cách thức nói của nhân vật như trong (4, 5, 6, và 7).

Thứ ba, một động từ nói năng hay một động từ chỉ cách thức nói năng đều có thể dẫn nhiều hành động ngôn ngữ

Như đã nói, ĐTN là những động từ gọi tên, biểu thị một hành động nói năng nào đó, còn động từ chỉ cách thức nói năng là những động từ vừa chỉ sự nói năng, vừa chỉ cách thức nói năng. Tuy nhiên, trong thực tế từ các tư liệu khảo sát, chúng tôi nhận thấy, một ĐTN hay một ĐTCCTNN đều có thể dẫn nhiều hành động ngôn ngữ.

ĐTN *bảo* có thể dùng để biểu thị, gọi tên và dẫn các hành động ngôn ngữ như:

Bảo có thể là *thanh minh*.

(8) Ông cười nhạt và *bảo* rằng:

- *Thế này này, anh Bình ạ: Chị ấy gửi tôi thì quả là không có...* (Nam Cao, 2013)

Bảo có thể là *thỉnh cầu*.

(9) Nhưng anh Dữ chuột *bảo*:

- *Cho cả nó đi kéo nó khóc. Bảo cái gái về tôi bảo.* (Nam Cao, 2013)

Bảo có thể là *khuyến*.

(10) Bà *bảo* phát nó:

- *Đã nhịn được đến bằng này tuổi thì phải nhịn hẳn, ai lại đi lấy thằng Chí Phèo.* (Nam Cao, 2013)

Bảo có thể là *từ chối*.

(11) Rồi anh *bảo*:

- *Thôi hai đứa mày đi trước. Tôi ăn rồi đi sau.* (Nam Cao, 2013)

Bảo có thể là *phản nản*.

(12) Mắt rơm rớm nước, thấy nó thờ dài rồi bùi ngùi *bảo*:

- *Biết vậy, tao cũng bảo bà ấy biện ra một mâm để cúng bu mày. Người sống, chẳng có thì thôi, nhưng người chết ...* (Nam Cao, 2013).

Bảo có thể là *thách thức*.

(13) Tôi cảm lấy cái lòng, ngăm nghía rồi cười và *bảo*:

- *Đây vật một cái thì chết cả con lẫn mẹ!* (Nam Cao, 2013)

Bảo có thể là *hỏi*.

(14) Bà *chíp chíp* mồm luôn ba bốn cái rồi *bảo* cháu:

- *Có phải bố mày bán nhà mày rồi không?* (Nam Cao, 2013)

Bảo có thể là *hứa*.

(15) Hắn nghĩ ngợi một chút rồi hắn *bảo*:

- *Tôi sẽ mua cái gì về để cả nhà cùng ăn!* (Nam Cao, 2013)

Bảo có thể là *trách mắng*.

(16) Y lại chỉ vào mặt tôi và *bảo*:

- *Hôm nọ thì còn mãi miết đi chết đây chết đó. Hôm nay mới lù lù vác xác về. Còn về làm gì nữa? Cả nhà có một cái sọt nó nuốt trôi mất rồi.* (Nam Cao, 2013)

Bảo có thể là thông báo.

(17) Hắn bảo ngay:

- Tôi đi ra tỉnh. (Nam Cao, 2013)

Bảo có thể là gọi.

(18) Hài chợt bảo:

- Thư này ... (Nam Cao, 2013)

Như vậy, ĐTNN bảo có thể gọi tên và dẫn các hành động ngôn ngữ: *thanh minh, thỉnh cầu, khuyên, từ chối, phản nản, thách thức, hỏi, hứa, trách mắng, thông báo, và gọi.*

ĐTCCTNN the thé có thể dẫn các hành động ngôn ngữ như:

The thé dẫn hỏi.

Ví dụ: (19) Tiếng ai vừa gọi ngoài ngõ, tiếp đến cái Gái thừa và chạy ra, tiếng người kia the thé:

- Bu mày đâu? (Nam Cao, 2013)

The thé dẫn trách.

(20) Thì tiếng vợ tôi the thé:

- Giời ơi là giời! Có chồng con nhà nào thế không? Chỉ vác cái mặt lên như con trâu nghênh suốt ngày. Chẳng nhìn rồi đến cái gì! Để cho con ăn đất ngoài sân kia kìa! ... (Nam Cao, 2013)

The thé dẫn khẳng định.

(21) Chị hàng bánh biết y không còn chạy được, mới chịu buông áo y ra: chị chỉ vào mặt y, the thé:

- Cái mặt nhà chị! Chị thử mở mắt ra trông xem một tấm hay hai tấm, nào! (Nam Cao, 2013)

The thé dẫn chửi:

(22) Tiếng con vợ bỗng nhiên the thé:

- Quân ăn cướp! Quân giết người! Mày muốn rũ tù thì trên vào bà! (Nam Cao, 2013)

The thé dẫn gọi:

(23) Rồi nó quay lại với đứa con nuôi, the thé:

- Đi! Lại đây con! Lại đây đi với mẹ! (Nam Cao, 2013)

Như vậy, ĐTCCTNN the thé có thể dẫn các hành động ngôn ngữ: *hỏi, trách, khẳng định, chửi và gọi.*

Thứ tư, có những động từ vừa là động từ nói năng, vừa là động từ chỉ cách thức nói năng

Những động từ vừa là ĐTNN, vừa là ĐTCCTNN là những động từ có thể vừa biểu thị cho *hoạt động nói năng*, vừa có thể biểu thị cho *cách thức của sự nói năng* đó. Khi hành chức, khác với các ĐTCCTNN thuần túy, có thể phải đi cùng với ĐTNN nào đó để biểu thị cách thức nói năng cho hành động nói năng được ĐTNN đó biểu thị, thì các động từ là ĐTNN, vừa là ĐTCCTNN tự nó có thể tồn tại độc lập trong ngữ cảnh nó biểu hiện, mà không cần đến sự có mặt của một ĐTNN kế bên. Ví dụ:

(24): Rồi vừa xóc Chí Phèo, cụ vừa phản nản:

- Khổ quá! Giá có tôi ở nhà thì đâu đến nỗi. Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ. Chỉ tại thằng Lý Cường nóng tính không biết nghĩ trước nghĩ sau. Ai, chứ anh với nó còn có họ kia đấy. (Nam Cao, 2013)

Phản nản, theo Từ điển (Hoàng Phê, 2011) là nói ra nỗi buồn bực, không vừa ý để mong có sự đồng cảm, đồng tình. Trong (24), cụ nói ra *nỗi buồn bực, không vừa ý* vì “Chỉ tại thằng Lý Cường nóng tính không biết nghĩ trước nghĩ sau...”.

Hoặc (24): ...(Hài hoảng hốt. Đứng dạy học! Thế thì hắn làm nghề gì để kiếm ăn?). Hắn năn nỉ:

- Ngài thương tôi, tôi nghèo lắm. Tôi cần phải kiếm tiền để sống. (Nam Cao, 2013)

Năn nỉ, theo Từ điển (Hoàng Phê, 2011) là nói khẩn khoản đề nài xin. Đúng là Hài nài xin thật “Ngài thương tôi, tôi nghèo lắm. Tôi cần phải kiếm tiền để sống”.

Hay (25): Tôi an ủi y thế này:

- Thôi, mình ạ. Ta không có sợi thì đi dệt thuê cũng được. Chẳng được cơm thì được cháo. Còn tôi cố cắm đầu viết suốt ngày. Mấy trăm bạc nợ lãi trả hết rồi, chỉ còn xoay gạo ăn thôi, thì đỡ lo. (Nam Cao, 2013).

An ủi, theo Từ điển (Hoàng Phê, 2011) là làm cho người (đang có điều đau buồn) dịu bớt nỗi đau khổ, buồn phiền bằng lời khuyên giải. Trong (25), thì nhân vật tôi đã làm cho y dịu bớt nỗi buồn (vì bị nhận tranh mất vé sợi) “- Thôi, mình ạ. Ta không có sợi thì đi dệt thuê cũng được. Chẳng được cơm thì được cháo....”.

Như vậy, Từ điển cũng đã “chỉ rõ” tính “hai mặt” (biểu thị *sự nói năng* và *cách thức nói năng*) của các động từ: *phản nản, năn nỉ, an ủi*. Những động từ này đều chỉ **việc nói** - nói ra nỗi buồn bực (phản nản), nói để nài xin (năn nỉ) và khuyên giải (an ủi) **với cách thức** buồn bực, không vừa ý, để mong có sự đồng cảm, đồng tình (phản nản), khẩn khoản (năn nỉ) và làm dịu bớt nỗi đau khổ, buồn phiền bằng lời khuyên giải (an ủi).

2.3. Điểm khác biệt (để phân biệt) động từ nói năng và động từ chỉ cách thức nói năng

Dù đều là những từ chỉ hoạt động nói năng, nhưng rõ ràng, động từ *nói, hỏi, khuyên, chào, hứa, thề...* khác với *vờ vặt, phỉnh phờ, xia xói, nhỏ nhẹ*. Ở *nói, hỏi, khuyên, chào, hứa, thề...* thì bản chất nói năng được biểu hiện và phân biệt rất rõ. Tức *khuyên* là khuyên ai đó nên làm một việc gì, còn *hứa* là *hứa* sẽ làm một việc gì đó (cho ai)... Còn ở *vờ vặt, phỉnh phờ, xia xói, nhỏ nhẹ...* có tính chất nói năng, nhưng không biểu hiện rõ bản chất của hành động nói đó là gì (là *hỏi, chửi*, hay *xin lỗi...*). *Nhỏ nhẹ* có thể là cách nói khi *hứa*, cũng có thể là cách nói khi *thề*, cũng có thể là cách nói cho: *khuyên, chào, hỏi*, hay *xin lỗi...* Rõ ràng, tuy cùng thuộc nhóm động từ nói năng, nhưng giữa chúng có những điểm khác biệt nhất định. Có thể nhận thấy, những điểm khác biệt (để phân biệt) ĐTNN và ĐTCCTNN ở những điểm cơ bản sau:

a. Đa số các động từ nói năng chỉ có thể biểu thị việc nói năng, còn động từ chỉ cách thức nói năng vừa có thể biểu thị việc nói năng, vừa biểu thị cách thức nói năng.

Các ĐTNN chỉ biểu thị việc nói năng cho một hành động ngôn ngữ. Ví dụ:

(26) Một hôm, thị bàn với chồng rằng:

- Nay, cậu ạ! Người nhà quê họ vô ý lắm. Mình có của thì mình phải giữ gìn. Hay ta đem cắt những cái ghế mây đi, kéo để ai vào cũng leo lên ngồi chồm chồm, mấy chốc mà vứt đi? (Nam Cao, 2013)

Hoặc (27): Thị đỗ con:

- Có mà nhịn lúc nữa, các con ạ. Đợi trên nhà ăn xong, còn thừa thì ta ăn. (Nam Cao, 2013)

Hay (28): ... hôm sau Đức vừa cười hí hí vừa khoe với tôi:

- Có ả Nhung hôm nay vừa phải phạt. Cái tính đồ hôm qua chưa làm. Lúc bấy giờ kêu nghĩ ra rồi. Kỳ tình cô ả có nghĩ ra cái năm kia. Nó oán tôi ghê lắm nhé... (Nam Cao, 2013).

Các ĐTNN *bàn, đỗ, khoe* biểu thị các hành động ngôn ngữ: *bàn, đỗ* và *khoe*.

Còn trong các trường hợp sau:

(29) Mỗi lần hấn đi khỏi, những người đàn bà nguyền theo, chum mỏ ra và lắm bẩm:

- Giống mõ có khác! Không trách được người ta gọi là đồ mõ! Trông ghét quá...! (Nam Cao, 2013)

Hoặc (30): Tôi lay anh bạn cùng đi để nói cho anh ta hay về vẻ đẹp của ánh trăng, nhưng anh ta khó chịu cầu nhàu: “Thôi đi bố, đã từ rất lâu tôi không biết trên đời này không có cái gì đẹp để cả ngoài tiền!” (Nguyễn Huy Thiệp, 2007).

Lắm bẩm trong (29) là cách thức **nói** của “những người đàn bà”. Ghét người ta, chửi người ta, (mà người ta - anh Mõ đâu có làm gì họ) thì nhất định là phải *lắm bẩm* rồi; còn *cầu nhàu* trong (30) là cách nói của “anh bạn cùng đi” với “tôi”. Có lẽ *cầu nhàu* là cách anh ấy thể hiện thái độ **nói**, bởi sự thật “phũ phàng” rằng: *trên đời này không có cái gì đẹp để cả ngoài tiền*. *Lắm bẩm* hay *cầu nhàu* vừa

biểu thị việc nói năng, vừa biểu thị cách thức nói năng. Như vậy, *lắm bầm, cầu nhàu* là các ĐTCCTNN - vừa biểu thị việc nói năng vừa biểu thị cách thức nói năng: “nói nhỏ trong miệng với giọng đều đều cốt chỉ để mình nghe hoặc tự nói với mình” (Hoàng Phê, 2011) - *lắm bầm*; và “nói tỏ ý không bằng lòng” (Hoàng Phê, 2011) - *cầu nhàu*.

b. Động từ nói năng có thể là một thành tố trong một biểu thức nói năng (biểu thức ngữ vi) của một hành động ở lời, còn động từ chỉ cách thức nói năng thì chỉ có vai trò miêu tả - biểu thị *cách thức nói năng* một hành động ở lời nào đó

ĐTNN là một thành tố tạo nên các hành động ở lời. Các hành động ở lời (acte illocutoire) được tạo ra từ các biểu thức ngữ vi đặc trưng cho mỗi hành động nhất định. Biểu thức ngữ vi, vì vậy là thể thức nói năng - tức phương tiện thực hiện của một hành động ở lời nào đó. Theo quan điểm của Đỗ Hữu Châu (2005), thì biểu thức ngữ vi là bộ phận cốt lõi của một hành động nói năng nhất định. Khi biểu thức ngữ vi phát triển thêm các thành phần đi kèm, nó trở thành phát ngôn ngữ vi. Những biểu thức ngữ vi có hiệu lực ở lời trực tiếp có thể có hoặc vắng mặt động từ ngữ vi. Austin gọi những biểu thức ngữ vi có động từ ngữ vi là biểu thức ngữ vi tường minh (explicit) và gọi những biểu thức tuy vẫn có hiệu lực ở lời, nhưng không có động từ ngữ vi là biểu thức ngữ vi nguyên cấp (primary) hay hàm ẩn (implicit).

Trong hệ thống các ĐTNN thuần khiết có những động từ có thể được thực hiện trong chức năng ngữ vi, tức thực hiện trong chức năng ở lời. Những ĐTNN có thể được thực hiện trong chức năng ngữ vi được gọi là động từ ngữ vi. “*Động từ ngữ vi là những động từ mà khi phát âm chúng ra cùng với biểu thức ngữ vi (có khi không cần có biểu thức ngữ vi đi kèm) là người nói thực hiện luôn cái hành vi ở lời do chúng biểu thị*” (Đỗ Hữu Châu, 2005, tr.454). Như vậy, các ĐTNN có thể thực hiện chức năng ngữ vi, tức có thể là thành phần cấu thành các các biểu thức ngữ vi tường minh - thể thức nói năng của một hành động ở lời nào đó.

Austin cho rằng, động từ ngữ vi chỉ được dùng trong chức năng ngữ vi (có hiệu lực ngữ vi) khi trong phát ngôn nó được dùng ở ngôi thứ nhất (người nói SP1) thời hiện tại (hiện tại phát ngôn) thể (voice) chủ động và thức (mood) thực thi (indicative).

Biểu thức ngữ vi tường minh dạng đầy đủ xét về mặt cấu trúc cú pháp - ngữ nghĩa thường mang ý nghĩa của hành động nói năng được dùng đúng hiệu lực ngữ vi - thời hiện tại, thức thực hiện và SP2 - người tiếp nhận hành động (ngôi thứ hai), cùng với các IFIDs (illocutionary force indicating devices) đặc trưng cho hành động ở lời được thực hiện.

Chẳng hạn, biểu thức ngữ vi chào tường minh dạng đầy đủ xét về mặt cấu trúc cú pháp - ngữ nghĩa có ba thành phần chính gồm: SP1 - người thực hiện hành động chào (ngôi thứ nhất); động từ ngữ vi chào mang ý nghĩa chào được dùng đúng hiệu lực ngữ vi - thời hiện tại, thức thực hiện và SP2 - người tiếp nhận hành động chào (ngôi thứ hai), cùng với các IFIDs (illocutionary force indicating devices) đặc trưng cho lời chào.

Biểu thức ngữ vi chào tường minh dạng đầy đủ có công thức sau:

SP1 + Động từ ngữ vi (*chào*) + SP2 + IFIDs (ạ; !)

Ví dụ: - *Con chào mẹ ạ!*

- *Em chào thầy ạ!*

Các ĐTCCTNN thì chỉ có vai trò miêu tả - biểu thị *cách thức nói năng* một hành động ngôn ngữ nào đó. Chẳng hạn:

(31) *Bà đồ vờ vịt hỏi:*

- *Nhà ai thế cụ?* (Nam Cao, 2013)

ĐTCCTNN *vờ vịt* đi kèm với ĐTNN *hỏi* trong lời dẫn cho hành động ngôn ngữ *hỏi* “Nhà ai thế cụ?” của nhân vật bà đồ. *Vờ vịt* là cách bà đồ *hỏi*. Sở dĩ bà *hỏi vờ vịt*, vì bà biết rõ câu trả lời. Một câu

trả lời mà bà không muốn nghe - “Nhà ông Hàn đấy. Chồng cô Duyên. Cậu phán Sinh ấy mà!”... Bà *hỏi vờ vịt để giả vờ để che dấu* (Hoàng Phê, 2011) điều mà bà và cả gia đình bà đang cảm thấy bề bàng. Bởi mới hôm nào, cậu phán Sinh còn hẹn sẽ đến nhà bà chúc Tết, và sẽ lấy cô Na - con gái bà. Cho nên, bà mới hỏi một cách vờ vịt.

c. *Về cơ bản*, động từ nói năng có thể tham gia vào lời dẫn để dẫn *một* hành động nói năng nào đó, còn động từ chỉ cách thức nói năng có thể dẫn nhiều hành động ngôn ngữ.

ĐTNN có thể tham gia vào lời dẫn để dẫn một hành động ngôn ngữ nhất định như trong các trường hợp (26, 27 và 28). Tất nhiên, một ĐTNN cũng có thể dẫn cho nhiều hành động ngôn ngữ. Khi đó, ĐTNN là những động từ mang tính khái quát cho việc nói năng: *nói, bảo* (như ĐTNN *bảo* trong mục 2.1.3.). Còn các ĐTCCTNN có thể tham gia vào lời dẫn và cùng với ĐTNN có thể dẫn nhiều hành động ngôn ngữ. Ví dụ:

(32): (*Hiện choáng váng người. Mặt hăn ngơ ngác như một người mất vía*). *Hắn lại xông vào lay van rối rít*:

- *Con lay ông! Ông cho con ra... con không đi tàu... con tìm người nhà ...* (Nam Cao, 2013)

Rối rít là ĐTCCTNN. Trong trường hợp này, *rối rít* đi cùng với *lay van* để biểu thị cách thức của hành động *lay van* với “về vội vã và mất bình tĩnh” (Hoàng Phê, 2011).

Tuy nhiên, *rối rít* không chỉ là cách thức nói năng với về *vội vã* và *mất bình tĩnh* như trong trường hợp trên. *Rối rít* còn có thể đi kèm với một ĐTNN khác mang tính chất vui vẻ, hạnh phúc (mặc dù, niềm hạnh phúc ấy thật tàn nhẫn), chẳng hạn:

... (*Hắn đi tìm cái thùng. Hắn rón rén đi vòng lại phía sau đuôi con chó. Ạp! Con chó giật mình đến thót. Nó bị thun gọn trong cái thùng, không còn chỗ mà giẫy giụa*). *Trong khi ấy, thằng người kêu rối rít*:

- *Chúng mày ơi! Chúng mày ơi! Tao úp được con chó rồi ...* (Nam Cao, 2013)

d. Động từ nói năng có thể đứng độc lập để dẫn một hành động ngôn ngữ, còn đa số các động từ chỉ cách thức nói năng chỉ có thể biểu thị cách thức nói năng của hành động ngôn ngữ đó mà thôi.

Như đã nói, ĐTCCTNN có thể mang đặc trưng của một số hành động ngôn ngữ, nhưng không thể thay thế ĐTNN biểu thị hành động ngôn ngữ. Tức để biểu thị một hành động ngôn ngữ, người ta không thể lấy ĐTCCTNN, mà vẫn phải dùng ĐTNN (dẫn). Chẳng hạn: *the thé, gay gắt, sa sả...* có thể xem là biểu hiện của hành động ngôn ngữ *chửi mắng*, nhưng để dẫn hành động ngôn ngữ *chửi mắng*, người ta vẫn phải sử dụng ĐTNN *chửi* hoặc *mắng*. Ví dụ:

(33) *Bà quản Thích bực mình chửi*:

- *Cha mẹ chúng nó ngứa mồm! Chính bà còn chưa biết ra sao. Rõ những quân đông dài!* (Nam Cao, 2013)

Hoặc (34): *Họ cười và họ chửi*:

- *Bố khi! Thế mà chả xưng con ông nọ, cháu bà kia! Ủi chao...* (Nam Cao, 2013)

3. Kết luận

Trên nền tảng lí thuyết dụng học, nghiên cứu đã phân tích rõ những tương đồng và khác biệt của ĐTNN và ĐTCCTNN trong tiếng Việt. Rõ ràng, nếu không xem xét động từ nói năng trong hoạt động nói năng với sự biểu hiện ở những hành động nói năng (hành động ở lời) cụ thể (như đã phân tích), mà chỉ xử lý theo cách truyền thống, thì không thể phát hiện những điểm khác biệt để phân biệt triệt để ĐTNN và ĐTCCTNN... Ngoài kết quả về mặt ngôn ngữ học, nghiên cứu cũng góp phần khẳng định: hệ thống các động từ nói năng và động từ chỉ cách thức nói năng trong tiếng Việt phần nào “nói lên” văn hóa *nói* của người Việt - một văn hóa *nói* thực sự vô cùng phong phú và giàu sắc thái cảm xúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đỗ Hữu Châu (2005), *Đỗ Hữu Châu tuyển tập*, Tập 2, Nxb Giáo dục.
3. Đỗ Hữu Châu (2000), *Tìm hiểu văn hóa qua ngôn ngữ*, Tạp chí Ngôn ngữ, Số 10.
4. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
5. Diệp Quang Ban, Nguyễn Văn Thung (2006), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Tập 1, Nxb Giáo dục.
6. Nguyễn Văn Khang (1999), *Ngôn ngữ học xã hội - những vấn đề cơ bản*, Nxb KHXH.
7. Đái Xuân Ninh (1978), *Hoạt động của từ tiếng Việt*, Nxb KHXH.
8. Hoàng Phê (chủ biên), (2011), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
9. Nguyễn Anh Quế (1996), *Ngữ pháp tiếng Việt cấu trúc của từ và từ loại*, Nxb Giáo dục.
10. Nguyễn Hữu Quỳnh (2007), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa.
11. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Hồ Chí Minh.
12. Nguyễn Kim Thân (1977), *Động từ trong tiếng Việt*, Nxb KHXH.
13. Bùi Minh Toán (1981), *Chuỗi động từ trong tiếng Việt Nam hiện đại*, Luận án PTS Khoa học Ngữ văn.
14. Mai Thị Hào Yên (2016), *Các hình thức thoại dân*, Nxb KHXH.

Tiếng Anh

15. Austin John L. (1965), *How to do things with word*, Oxford Universiti Press, New York.
16. Wierzbicka Anna (1987), *English Speech Act Verbs*, Academic Press Australia, NSW.

NGŨ LIỆU

1. Nam Cao (2013), *Tuyển tập Nam Cao*, Nxb Văn học.
2. Nguyễn Huy Thiệp (2007), *Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.

Differentiating between verbs of speech and verbs indicating speech manner Vietnamese

Abstract: Along with verbs of speech, verbs indicating speech manner, i.e., verbs that express manner and attitude in speech, are also diverse. These verbs indicating speech manner belong to the category of verbs of speech in general. However, grouping them into one category limits the recognition of very basic differences between the two types of verbs, and fails to capture the distinct characteristics and roles of each type in communicative function. Based on pragmatic linguistic theory, the article has thoroughly analyzed the similarities and differences between verbs of speech and verbs indicating speech manner in Vietnamese. In addition to linguistic results, the study also contributes to affirming that the system of verbs of speech and verbs indicating speech manner in Vietnamese somewhat reflects the speaking culture of Vietnamese people - a truly rich and nuanced speaking culture.

Key words: verbs of speech; verbs indicating speech manner; linguistic actions; discourse; pragmatic linguistics.